

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2019

V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan

2. Ông Phạm Lê Thụy

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:** ông Lư Ngọc Quý - Kiểm sát viên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kiêm Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019, ngày 03/4/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1974

Địa chỉ: dân phố A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** ông Lê Văn C, sinh năm: 1973

Địa chỉ: dân phố A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hương trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Lê Văn C tự nguyện sống chung năm 1995, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 302, ngày 15/10/2002 tại Ủy ban nhân dân nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C thường xuyên say sưa, không có trách nhiệm với gia đình, ông C không chung thủy. Khi bà nói thì ông C kiểm chuyện đánh đập bà, cách đây khoảng 06 tháng vợ chồng cãi vã bà đã bỏ nhà đi, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, hai người ly thân đã lâu nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Văn L, sinh năm 1995; (Giới tính: Nam) và Lê Văn V, sinh năm 1997; (Giới tính: Nam), hai con đều đã trưởng thành và Lê Thị M, sinh ngày 20/3/2003; (Giới tính: Nữ).

Nguyên vọng sau ly hôn bà muốn trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên Lê Thị M cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên hòa giải bị đơn ông Lê Văn Cơ trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện sống chung năm 1995, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn, có Giấy chứng nhận kết hôn số 302, ngày 15/10/2002 tại Ủy ban nhân dân nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Ông xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn, đều bỏ qua, cách đây 06 tháng vợ chồng cãi vã bà H tự bỏ nhà đi đến nay, ông bà không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông, ông không đồng ý vì tình cảm vẫn còn, các con không đồng ý cho ông bà ly hôn, nguyên vọng của ông muốn quay về đoàn tụ.

Về con chung: ông bà có 03 con chung là Lê Văn L, sinh năm 1995; (Giới tính: Nam) và Lê Văn V, sinh năm 1997; (Giới tính: Nam), 02 con đều đã trưởng thành và Lê Thị M, sinh ngày 20/3/2003; (Giới tính: Nữ).

Ông đồng ý giao con chung chưa thành niên Lê Thị M cho bà Hương tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng: Khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 19, Điều 51, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Lê Văn C.

Về con chung: giao con chung Lê Thị M, sinh ngày 20/3/2003 (giới tính: Nữ) cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn C có nơi cư trú tại dân phố A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và Lê Văn C được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp số 302, ngày 15/10/2002 tại Ủy ban nhân dân nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; vì vậy áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Hôn nhân của bà H và ông C thực sự đã mâu thuẫn trong thời gian dài do hai bên không hiểu và thông cảm cho nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã đánh đập nhau. Ông bà đã tự ý sống ly thân vài tháng nay. Vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa, tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng bà H cương quyết ly hôn không trở về đoàn tụ gia đình, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà H.

Về con chung: bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn C có 03 con chung là Lê Văn L, sinh năm 1995; (Giới tính: Nam) và Lê Văn V, sinh năm 1997; (Giới tính: Nam), hai con đều đã trưởng thành và Lê Thị M, sinh ngày 20/3/2003; (Giới tính: Nữ).

Giao con chung Lê Thị M cho bà Hương trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Ông C được quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

Bà H không được ngăn cản ông C trong việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung

Về tài sản chung và nợ chung: ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét quan hệ này.

[3] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà H là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

- Khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 19, Điều 51, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Văn C.

Về con chung: có 03 con chung tên Lê Văn L, sinh năm 1995; (Giới tính: Nam) và Lê Văn V, sinh năm 1997; (Giới tính: Nam), hai con đều đã trưởng thành và Lê Thị M, sinh ngày 20/3/2003; (Giới tính: Nữ).

Giao con chung Lê Thị M cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi trưởng thành,

Bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Bà Nguyễn Thị H không được ngăn cản ông Lê Văn C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019894 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, nên án phí đã nộp đủ.

Quyền kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn C là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/4/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7A và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn Phan Rí Cửa;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Ngọc